

LIÊN HOA

NGUYỆT-SAN

HỘI TĂNG-GIÀ TRUNG-PHẦN XUẤT-BẢN



BẢY MẬU-TUẤT NĂM THỨ TƯ SỐ **7**



LIÊN-HOÀ

NGUYỆT-SAN

MỤC LỤC SỐ 7

RẼM THÁNG 7 MẬU-TUẤT

LỢI DỤNG PHẬT-GIÁO	LIÊN-HOÀ
BÀI GIẢNG TẠI VIỆN ĐẠ-L-HỌC HUẾ	THÍCH ĐIỂN-BỒI
BA THÁNG HẠ AN-CU	THÍCH TRÍ-THỦ
HÃY ĐỪNG LÀM... (Mẫu chuyện đạo)	QUẢNG-HUỆ
VỌNG CHIỀU THU XƯA (Thơ)	HUYỀN-KHÔNG
MỘT VIỆN DƯỠNG LÃO...	THÍCH THIÊN-ÂN
LẠI BỊ HỎI NỮA.	THÍCH-NỮ THỀ-QUÁN
NHÌN PHẬT-GIÁO QUA MẮT KHOA-HỌC	ÔNG-TRÍ-BIỀU
CON CHUỒN CHUỒN (Chuyện ngắn)	NGUYỄN-THÁI
TIN TỨC	

BÌA DO HỌA-SĨ PHẠM-ĐẶNG-TRÍ TRÌNH BÀY

Cần chặn đứng việc làm không đúng đắn:

LỢI DỤNG PHẬT-GIÁO

TỪ ngày trận chiến tranh Việt-Pháp bùng nổ cho đến nay, đạo Phật mỗi ngày mỗi được quần chúng, đồng-bào nhiệt-liệt ngưỡng mộ tôn thờ. Lý do làm người ta đổ xô đến với đạo Phật rất nhiều : có người tìm thấy ở đó một nguồn an ủi nhiệm mầu cho bao nhiêu nỗi đau xót do chiến tranh gây ra ; có người tìm thấy ở đó một triết-lý sâu xa, có thể thỏa mãn được những khát khao về chân lý ; có người tìm thấy ở đó cái tâm hồn hiền hòa phong phú của dân-tộc đã truyền nổi quá mười mấy thế kỷ trên đất nước này ; có người tìm thấy ở đó cái lẽ sống của ngày mai, riêng cho mình cũng như chung cho cả vận mệnh nước nhà ; có người tìm thấy ở đó một chỗ yên nghỉ, hay một thế đối lập, hay một sức mạnh tinh thần, hay một sức mạnh của quần chúng có thể che chở cho mình ; có người tìm thấy ở đó một nguồn sáng tạo, một nguồn cảm xúc phong-phú cho văn nghệ... đang bí đường ; có người tìm thấy ở đó... nhưng kể sao cho hết được ? vì có bao nhiêu tâm hồn thì bấy nhiêu tâm trạng.

Bên cạnh những lý do chính đáng vừa kể trên, còn có những lý do bất chính cũng đã xui khiến người ta xoắn xít, chạy loanh quanh theo đạo Phật. Đó là những người

có nhiệm vụ đến với đạo Phật để phá uy-tín của Đạo bằng cách xuyên-tạc giáo-lý của Phật qua những tác phẩm nghiên-cứu hay văn-ngệ của mình. Những hạng người này rất khôn khéo, chiến thuật của họ là nâng đạo Phật lên cho cao để rồi quật xuống cho mạnh. Những tín-đồ dễ tin và thiếu cảnh-giác sẽ rất dễ bị mắc lừa và đắm ra hoang mang chán nản.

Có người nhận thấy ở đạo Phật một thị trường buôn bán rất mạnh. Họ vội vã chế tạo những món hàng tạp nhạp, xấu xí để cung cấp cho giới Phật tử đông đảo để hốt bạc. Những món hàng ở đây là những « tác phẩm » văn nghệ mà không có chút văn nghệ nào cả. Đó là những cuốn phim, những vở kịch, những tuồng cải lương, những cuốn tiểu thuyết với một nội dung mục nát, bệnh hoạn, một kỹ thuật rất non nớt, kém cỏi. Phần lớn những kẻ chế tạo ra chúng là những người không hiểu gì về đạo Phật cả, hay hiểu một cách lơ mờ. Nhưng họ có cần gì quan tâm đến sự thiếu sót lớn lao ấy ! Họ chỉ cần nghĩ cách làm thế nào để dán cho những món hàng ấy một nhãn hiệu rất kêu có dính dấp đến Phật-giáo là họ có thể chắc chắn hốt được nhiều tiền. Họ cố làm sao nêu lên được những chữ như : « Phật-Tồ, Quan-Âm, Mục-Kiền-Liên », « Từ-Bi » « Nhân quả luân hồi » ... thế là quần chúng Phật-tử sơ-cơ dễ xô đến tranh nhau... tiêu thụ. Tín đồ Phật-giáo đã nhiều lần bị lừa phỉnh, nhưng vốn giàu lòng tin và lòng quảng đại, họ im lặng ra về, để rồi lại bị lừa-phỉnh một lần khác nữa.



Đã quá lắm rồi, những sự lừa gạt trần tráo, vô liêm-sĩ ấy. Người tín-đồ Phật-giáo cần tỏ thái độ của mình trước những việc làm tai hại cho Đạo và đời ấy. Vậy chúng ta phải làm gì để chặn đứng những âm mưu phá hoại và bóc lột ấy.

Chúng tôi xin đề nghị :

1') Quý vị thiện trí thức trong giới Phật-giáo cần phải đem những món hàng ấy ra mà nghiên cứu, mổ xẻ phê bình, trên các tạp chí, báo chương của Phật-giáo hay ngoài đời, để độc-giả dù Phật-tử hay không Phật-tử đều được biết sự thật rất giả, rất xấu của chúng. Công việc phê bình này, từ Phật-giáo Việt Nam, đã và đang làm. Nhưng thiết tưởng một tạp-chí ấy chưa đủ ; những cơ-quan ngôn luận của các Hội Phật giáo trong Tổng-hội cần phải hưởng ứng mới mong có kết quả lớn.

2') Toàn thể quý vị Phật-tử sơ-cơ hay thiếu học hỏi cần phải e-dè, cảnh giác trước những món hàng có dính dáng đến Đạo Phật.

Khi muốn tiêu thụ một món hàng như thế, cần phải có sự bảo-đảm. Phải tìm xem cái xuất xứ của nó, tìm xem kẻ chế tạo ra nó có phải là người đáng tin cậy không, đã có thành tích như thế nào ? Và mỗi khi lỡ bị lừa phỉnh phải gặp rúc báo động cho những bạn bè thân thuộc mình biết để chặn đứng những âm-mưu sâu độc, những kẻ lợi dụng vô lương tâm ấy. Hãy nghe lời khuyên của vị Hội-trưởng Hội Phật giáo Thế giới Bác-sĩ Malalasekera :
« Phật tử chúng ta rất hiền hòa nhưng thỉnh thoảng cũng phải biết ngóc đầu dậy và phồng man ra như con rắn Cobra để cho người ta nể »

Cái ngóc đầu ấy, mặc dù đã chậm, còn hơn không bao giờ làm cả.

LIÊN-HOÀ

CHƠN LÝ CỦA PHẬT GIÁO

của Thượng - Tọa Thích - Diễn - Bồi
(Trung-Hoa) giảng tại Viện Đại-học Huế

Thưa ông Viện-Trưởng,

Thưa các Ngài,

Cùng anh chị em sinh-viên,

Hôm nay được dịp đến quý Viện, cùng quý vị hội đàm chút ít về Phật-giáo, thật khiến tôi rất cảm bội.

Phật-Giáo là một tôn-giáo, điều đó không ai chối cãi, nhưng là một tôn-giáo lý-trí và đức hạnh, chứ không phải là cái tôn-giáo nặng nề tình cảm thiên vị. Vì vậy, câu chuyện tôi đem ra công hiến quý vị là « Chân lý của Phật-Giáo ».

Chân lý vốn phổ biến vũ trụ: chúng ta chưa thể-nghiệm được nên không thấu hiểu

sự trường-lỗi của chân-lý mà thôi. Và chính vì lý do này, bao nhiêu người tri-thức đều bảo rằng mình tìm chân-lý, bao nhiêu nhà tôn giáo đều bảo rằng họ thể-nghiệm chân lý. Thế nhưng chúng ta biết rằng chân lý, với tính chất phổ-biến và duy nhất, nếu thật đã thể-nghiệm nó, thì cái chỗ sở đắc tất nhiên phải như nhau. Không thì kẻ này bảo kẻ kia không phải chân-lý, kẻ kia bảo kẻ này không phải chân lý, và như vậy tất phải có một kẻ chỉ hơi giống chân lý, hoặc là cả hai đều lầm

hết. Vậy chân lý là gì, điều đó chúng ta phải phê phán lại một chút.

Giáo-chủ Phật-Giáo, như các vị đều biết, là Đức Phật Thích-Ca. Phật, tiếng ấy là tiếng tắt từ-ngữ Phật-Đà của Ấn-độ. Chiếu theo ý nghĩa của từ-ngữ ấy mà dịch ra tiếng Trung-Hoa chúng tôi, thì gọi là « Giác - giả », có nghĩa là một vị đã giác-ngộ chân-lý của nhân sanh và vũ-trụ. Chân



lý mà Phật đã giác ngộ, theo lời huấn thị của Ngài, là « vạn hữu đều do duyên khởi ». Khi Đức Phật còn tại thế, một hôm cùng một học - giả ngoại đạo thảo luận về chuyện chân lý, người ấy chỉ trích học thuyết này sai, học thuyết nọ không đúng, rồi hỏi Phật « chân lý là gì ». Phật đáp: « Tôi nói duyên khởi ; tôi chỉ suy cứu

và nói đến những mối quan hệ đã cấu thành vạn hữu ». Cho nên duyên khởi được kể là thuyết đặc-biệt của Phật-Giáo.

Xưa ở Ấn-độ có một học-giả tên Kiêu-Thi-La, rất nhiệt thành đi tìm chân-lý. Ông đã đọc nhiều sách, học nhiều danh-triết, nhưng thử chung không thấy chân-lý là gì. Về sau, trong một tú sách của người bạn, ông ngẫu nhiên tìm được cuốn kinh Duyên-khởi của Phật-Giáo. Đọc đi và đọc lại, ông thể-nghiệm được chân lý qua cuốn Kinh ấy, xác-nhận vạn hữu đều là Duyên khởi. Vạn hữu phát sanh là do duyên khởi, vạn hữu tồn tại là do duyên khởi mà vạn-hữu biến-hóa cũng là do duyên - khởi. Không có duyên khởi, tức vũ-trụ không có gì nữa. Nhờ thấu hiểu như vậy, học-giả Kiêu-Thi-La đã sống đời sống tự do đặc-biệt, đời sống chân-lý.

Nhưng duyên khởi là gì? Là do nhân và duyên hòa hợp mà phát khởi. Đó là thuật ngữ của Phật-giáo. Câu ấy có nghĩa là vạn hữu do những mối tương quan hóa hợp. Quý vị hãy xét xem : thế gian này có cái gì mà ra ngoài định luật ấy ? Nên không phải phân tích chi cho nhiều lời,

chúng ta cũng có thể thấy vạn hữu do những mối tương quan phát hiện, là một chân-lý phổ biến và duy nhất.

Lấy ngay bản thân của chúng ta đây mà nói, thì sanh mạng chúng ta, ngoài mặt in như là một cái thể thống nhất và độc-lập, nhưng nội-dung thật là do đủ thứ tổ hợp lại mới có. Khoa-học thì nói có trên bảy mươi mốt nguyên-tố tạo ra sinh-mạng, Phật-Giáo nói sanh-mạng ấy do 5 yếu tố lớn là sắc, thọ, tưởng, hành và thức. 5 yếu-tố đó, quy nạp lại mà giải-thích, thì Sắc là vật-lý, Thọ, Tưởng, Hành, Thức là tâm-lý. Phân tích ít nhất, người ta cũng thấy sanh mạng của bất cứ loài nào, đều do 2 yếu-tố tâm-lý và vật-lý ấy hóa-hợp mà thành. Ngoài 2 yếu-tố này, sanh mạng không thể xuất-hiện được. Nên Phật-giáo nói sanh mạng là do duyên khởi.

Duyên-khởi là chân tướng của vạn hữu, là chân-lý phổ-biến và vĩnh viễn. Đức Thích-Ca thể-nghiệm, sự thể-nghiệm ấy là phát minh ra chân-lý, chứ không phải sáng tạo chân lý. Chân-lý thì không do ai sáng tạo cả. Nên nếu có ai nói có kẻ sáng-tạo chân-lý, sáng tạo vạn-vật, thì Phật-Giáo không thể công nhận được. Nên ngay dưới gốc cây

Bồ-Đề, khi Đức Phật phát hiện được chân lý duyên khởi Ngài đã công khai tuyên cáo với nhân-loại rằng «Chân-lý không phải do Đức Phật sáng tạo, cũng phải do bất cứ người nào làm ra, mà chân-lý là phổ-biến và vĩnh-viễn». Lời tuyên cáo này chứng tỏ vấn đề chỉ còn ở chỗ chúng ta có phát hiện được chân-lý hay không mà thôi. Phát hiện được chân-lý là thánh-nhân, không thì vẫn là những kẻ phạm phu như chúng ta hiện giờ đây.

Chúng ta còn là phạm phu, điều ấy không thể phủ nhận được, bởi lẽ chúng ta sinh tồn trong duyên khởi, hoạt động trong duyên khởi, đời sống với duyên khởi chỉ là một, vậy mà chúng ta nào có ý thức được lý duyên khởi ấy? Chúng ta, với sự duyên khởi hóa hợp, chúng ta cho là thật tại, biệt lập và vĩnh-viễn, nên đụng đầu là gai góc ở đây, không một chút tự-tại, tự-do.

Sự thực thì, vạn hữu đã do duyên khởi hòa hợp, tức tuyệt đối không có tánh cách thực tại. Cho là thực tại, chỉ là ảo giác của chúng ta, chứ không phải bản thân của vạn hữu là như thế. Lý do là vì không

đời phải những mối tương quan rời rã mới thấy vạn hữu không thật tại, mà chính trong khi những mối tương quan đang tụ hợp lại đó, thực chất cũng không phải có đặc tánh biệt lập. Thế nên Đức Phật huấn thị như sau «duyên khởi là không có đặc tánh, là không».

Nhưng xin quý vị lưu ý cho. Không ở đây không có nghĩa là không có gì hết, mà cái nghĩa của nó là không có cái

tánh cách thật tại mà chúng ta đã ảo giác và giả thiết.

thế thời

C h ư
những giả tướng vẫn có. Thế nên thiện ác, tà chánh, tất cả điều ấy chúng ta không thể phủ nhận được. Phủ nhận đi, cho rằng đời trống rỗng tất cả, là một chủ trương phá hoại : phá hoại vạn vật hiện hữu, phá hoại nguyên lý nhân quả, phá hoại quy luật đạo đức, và như thế là một kẻ đại tà-kiến, Phật-giáo tuyệt đối không dung. Phật-giáo thuyết-minh duyên khởi thì bản tánh là không thật tại,

nhưng đổi cách nói, thì không thật tại chính là duyên khởi, bởi lý do đó, vũ-trụ vạn hữu đã có mà lại có ngàn sai muôn biệt, có với nguyên-lý nhân quả nằm trong luật duyên khởi. Sự thật này đã không dung cái chủ-trương phá hoại mà lại còn kết án phá hoại là một đại tội ác.

Duyên khởi không những không thật tại, mà lại cũng không có tánh cách biệt lập. Tánh cách biệt lập có nghĩa

là một thể hoàn-chỉnh và t h ổ n g nhất. Thế nhưng đã do những mối tương



quan hóa hợp mà thành, thì vạn hữu không thể là một thể độc-lập, Sự hoàn chỉnh và thống nhất, chỉ là cái bề ngoài mà thôi. Chúng ta ảo giác vạn hữu là hoàn chỉnh và thống nhất, ấy chỉ là vì chúng ta không thấu triệt nội dung của vạn hữu, bị chính ảo giác của mình lừa đảo lấy mình, khiến mình không thể nghiệm được chân tướng của vạn hữu.

Không thể nghiệm được chân tướng của vạn hữu, chính là

cái nguyên nhân làm cho con người cố chấp một bản ngã thực tại. Thế là ngoài thì lâm hoàn cảnh, trong thì lâm bản thân, diên đảo rối loạn lên vì ngã chấp, mà không một chút tự tại giải thoát. Nhưng bây giờ hãy lấy cái bản ngã mà nói. Ai cũng cảm thấy sanh mạng của mình là một bản ngã, nên, để mở rộng bản ngã, phong phú bản ngã, con người đã không tiếc sức bôn ba kỳ cho thỏa mãn tất cả nhu cầu của bản ngã: Chính đó là nguyên nhân của sự tranh chấp liên tục mà loài người đang xiềng xích mình vào đó.

Nhưng phân tích một chút, thì bản ngã ấy, như trước đã nói, nó được kết hợp bởi 5 yếu tố, như thế, cái bản ngã thực tại cũng chỉ là một ảo giác. Bản ngã là phải có cái nghĩa tự chủ và chi phối. Thế nhưng đó chỉ là bề ngoài. Bề ngoài nó như chúng ta tự chủ lấy mình, muốn làm gì thì làm, không bị câu thúc và hạn chế gì, nhưng sự thực thì ngược lại. Ý muốn chúng ta một đằng, hoàn cảnh chi phối một ngã, điều ấy là một sự thật khó mà phủ nhận. Như bây giờ đây, tôi muốn dùng tiếng nói của quý quốc để nói chuyện thẳng với quý

vị nhưng ý muốn ấy làm sao đạt được. Nói tóm, cái bản ngã mà con người cố chấp, thật không phù hợp với sự thật và lý thuyết của một bản ngã phải có, nên Đức Phật tuyên bố « duyên khởi thì vô ngã ».

Vạn hữu lại ngộ như là vĩnh-viễn. Nhưng đây chỉ là sự liên tục mà thôi. Những kẻ vội vàng, không chịu nhìn vào lòng vạn hữu, nay thấy thế này, mai cũng thấy thế đó nên ý niệm vĩnh viễn mới xuất hiện thành một sự cố chấp. Rồi cái này cũng muốn đem về cho mình, cái kia cũng muốn đem về cho mình, mình tìm mình lấy không một phút nào tâm niệm có một ý phóng xả. Con người đâu có biết rằng, trong khi đó, luật duyên khởi làm cho vạn hữu thay đổi không ngừng trong quá trình diễn biến.

Sanh mạng chúng ta thì diễn biến trong quá trình sinh diệt diệt sinh, vũ trụ chúng ta thì diễn biến trong quá trình thành trú hoại không. Trong cũng như ngoài, tất cả đều diễn biến, thì còn tìm đâu ra cái gọi là vĩnh viễn? Thế nên vô thường là chân lý. Chúng ta, nơi cái vô thường ngộ nhận là vĩnh viễn, nên Đức Phật gọi là

những kẻ điên đảo. Trong khi đó, luật duyên khởi làm cho vạn hữu diễn biến cho đến nổi trong từng sát-na một, nghĩa là không tồn tại qua cái thời gian tối thiểu đột khởi hay đột biến của tâm-lý, nên Đức Phật bảo « duyên khởi vô thường »

Có kẻ bảo vũ trụ quả vô thường đấy, nhưng đề cao sự thật ấy chỉ làm cho con người nặng nề, bi quan mà thôi. Nhưng Phật Giáo trái lại. Phật-Giáo cảm thấy nếu con người thấu hiểu sanh mạng mong manh, vũ trụ biến động, tức phải đề cao sự cảnh giác, không kể vì mình hay vì xã-hội, vì dân-tộc hay vì nhân-loại, hề việc gì hữu ích, thì sống ngày nào tận lực mà làm trong ngày đó, không để cho cái sanh mạng mong manh kết liễu trong sự vô ích và ân-hận. Chính đó là lời được ghi trong bản di huấn tối hậu của Phật. Ấy vậy, không những sự bi quan phải tiêu mất, mà chính nguyên lý vô thường thật đã cảnh giác con người chiến thắng sự chán nản, tranh thủ mãnh liệt với thời gian.

Chúng ta lại nên hiểu rằng nguyên lý vô thường trên đây cốt là đề chống đối cái ý

niệm vĩnh viễn. Chính ý niệm này đã khiến con người làm con quay của bao nhiêu phiền não. Hết mong cầu cái này lại với tìm cái khác ; nhưng thỏa mãn vẫn không thỏa mãn, đó là một trong những nguyên nhân làm cho người bị bao nhiêu thống khổ tập kích luôn luôn, không một phút tự tại giải thoát. Nên vô thường thì khổ. Mà khổ thì trong ngoài, đau đau cũng có. Có cái khổ bởi thiên nhiên, có cái khổ bởi xã-hội, nhưng chủ yếu là cái khổ bởi bản thân luôn luôn biến dịch. Cho nên chúng ta phải đề cao cảnh giác vô thường để tích-cực hành thiện, vượt ra ngoài sự bao vây của thống khổ, sống đời sống giải thoát theo lý chân không.

Mục đích tối cao của sự học Phật, là thể nghiệm chân lý, sống đời sống giải thoát tự do. Rồi đem ánh-sáng chân lý ấy soi sáng thế gian mù mịt, đem tiếng chuông tự do thức tỉnh con người mê mộng, làm cho ai nấy đều thích sống và sống được đời sống giải thoát. Nhưng muốn vào trong cung điện của chân lý, đứng trong cửa ngõ của tự do, thì phải lọc sạch tâm cho thanh tịnh, cho hết

lầm lạc và nhất là cố chấp. Cái cố làm cho bao nhiêu người tha thiết với chân-lý mà chỉ vật vờ ngoài cửa tự do, ấy chính là vì thiếu sự thanh tịnh thân tâm đó.

Nói tóm, từ trên đến đây, tôi đã trình bày với quý vị tinh cách không thật, tinh cách vô ngã và tinh cách vô thường của luật Duyên khởi. Đó chính là 3 nguyên lý khá quan trọng của Phật-Giáo. Nhưng nói như vậy không có nghĩa là chân lý có 3, mà chỉ là 3 tinh cách, 3 cách nói của một nguyên lý thống-nhất, nguyên-lý Duyên khởi. Đức Phật thành một Đức Phật là vì đã giác ngộ nguyên lý ấy. Chúng ta nếu giác ngộ được thì cũng là những đức Phật vậy. Cho nên nếu ý thức được nguyên lý Duyên khởi mới thật là nhận thức được Đức Phật. Kính A-Hàm

đã diễn đạt việc ấy như sau « Thấy lý duyên khởi là thấy được chân lý; thấy được chân lý là thấy Phật ».

Chân-lý ai cũng muốn tìm. Mà, như tôi đã trình bày, muốn tìm chân-lý thì ngoài nguyên lý Duyên khởi, chân lý không thể có được. Quý vị đây là cơ-quan Đại-học của quý quốc, tôi được đến viếng thăm, chỉ có câu chuyện **Chân lý của Phật-Giáo** trên đây cống hiến quý vị. Đức Phật từng nói chân lý không phải do ai sáng tạo mà ai cũng có thể thật hiện được chân-lý. Tôi xin thành tâm kính chúc các vị sớm tìm thấy dấu vết chân lý, sống đời sống giải thoát. Phần tôi, tôi chỉ tụng lại lời Đức Phật mà tôi được học. Như có chỗ nào sơ suất và không rõ ràng, là lỗi ở tôi, mong quý vị hoan hỷ.

CÁO LỖI

Vừa rồi chúng tôi có gửi một loạt thư hỏi tiền quý độc giả dài hạn. Vì thư quá nhiều mà Tòa-soạn lại ít người, nên có nhiều điểm sơ suất như để lộn họ, tên hoặc những vị đã thanh toán vẫn có thư hỏi nữa... Vì thế mà có một vài độc-giả không được vui lòng, mong quý vị ấy thông-cảm công việc của Tòa-soạn mà hỷ-xã cho. Rất cảm ơn.

LIÊN - HOA



BA THÁNG HẠ AN - CƯ

Thích TRI-THÙ

THEO thời tiết ở Ấn-Độ, một năm chia ra làm ba mùa : Xuân, Hạ và Đông mỗi mùa bốn tháng, từ rằm tháng chạp đến rằm tháng tư là mùa Xuân ; từ rằm tháng tư đến rằm tháng tám là mùa Hạ ; từ rằm tháng tám đến rằm tháng chạp là mùa Đông. Mùa hạ là mùa hay mưa nhất là mùa các loài sâu bọ súc vật sanh trưởng. Nhân đó đức Phật chế luật nhất định dạy hàng đệ tử xuất gia của Phật mỗi năm về mùa hạ phải nhóm họp nhau lại một chỗ, kiết giới hạn cùng nhau ăn ở tịnh tu trong thời hạn ba tháng, từ rằm tháng Tư đến rằm tháng Bảy. Mục đích là để hàng Tỷ-

kheo muốn giữ giới bát sát sinh được hoàn toàn, vì mùa mà muôn vật sanh nở phải an trụ một nơi cho khỏi chà đạp sát hại sanh linh, rất có hại đến lòng Từ-Bi. Thêm vào một ý nữa : Sứ mệnh của hàng đệ tử xuất gia là xen lẫn trong đám bụi trần để tùy duyên hóa-độ, rày đây mai đó với ba tấm áo cà-sa, ngàn nhà một bình bát, sớm hôm lấy gốc cây làm nơi nương tựa.

Đến ngày sen đã hé nụ ở hồ, báo tin mùa hè sắp đến, các Thầy Tỷ-Kheo cùng nhau trở về y chỉ với những bậc tiên giác thượng tọa, để kiểm điểm lại hành vi lợi lạc của mình và tham học đạo luyện thêm những phương tiện còn thiếu

sót hầu mong đủ năng lực để đối phó với mọi ma lực có thể làm chướng ngại trên con đường hoằng-pháp lợi sanh. Bởi vậy, Thầy Tỷ-Kheo khi đã thọ đại giới rồi lấy ba tháng hạ an cư này làm tuổi của mình, trong kinh thường gọi là Hạ-lạp, nhứt là hàng niên thiếu Tỷ-Kheo, nhứt định phải tự năm hạ trở lui không được ly y-chỉ, nghĩa là luôn luôn y chỉ theo các bậc Kỳ-Cụu như Hòa-Thượng «Thầy truyền giới», A-xá-lê «Thầy dạy bảo» mà an trú, tuyệt nhiên không được rời xa, nếu chưa đủ 5 hạ. Dù năm hạ đã đủ mà chưa thông hiểu về luật học cũng không được phép rời y-chỉ. Cũng vì điều luật nhất định này, chúng tăng không kể tuổi đời nhiều ít mà chỉ lấy mùa kiết hạ là mùa tuổi của mình, cho nên người nào chưa đủ 10 hạ không được phép làm Thầy truyền giới cho ai, không được phép làm Hòa-Thượng.

Hàng năm, cuối mùa Xuân, các Thầy Tỷ-Kheo cùng nhau tìm chỗ nào thuận tiện trên có các bậc Thượng tọa, đại đức, các thiện hữu thân chính, dưới có các nhà đàn việt cung cấp cúng-dường đủ điều kiện dung tất trong 3 tháng, các Thầy nhóm nhau kiết lập giới hạn, đúng với pháp lục-hòa mà an trú để thanh tịnh tu học,

nếu không có cố hệ-trọng chánh đáng không ai được phép bước chân ra khỏi giới hạn ấy. Nếu vô cố vượt ra ngoài giới hạn tức là phá hạ, tức là không được kể thêm một tuổi hạ. Nếu có việc gì cần thiết như: Tam-bảo sự duyên, cha mẹ hoặc bần-sư tạ thế phải bạch chúng xin phép y-ước từ giờ nào về phải đúng như lời hẹn, nếu ai sai lời tức là hồng; nghĩa là phá hạ. Nhưng dù có việc gì quan-trọng ít nhất cũng phải an-trú từ hai tháng trở lên, nếu ở ngoài hơn ở trong cũng tức là phá hạ.

Phật lại mở rộng phạm-vi cho ba thời kỳ An-cư: tiền, trung và hậu: nghĩa là bắt đầu ngày 16 tháng Tư là tiền an-cư, ngày 17 tháng Tư sắp lên là trung an-cư; cho đến ngày 15 tháng 5 là cùng, gọi là hậu an-cư. Tất cả đều ở đúng 3 tháng, nghĩa là hậu an-cư thì phải đến ngày 15 tháng 8 mới được xả giới, mới được kể Hạ-lạp (tuổi).

Đến ngày 15 tháng 7, gọi là ngày «Tăng Tự-Tứ», ngày «Phật hoan-hỷ» hay là ngày hàng Tỷ-Kheo nhận tuổi. Cũng gọi là ngày chúng tăng hưởng thọ công đức y, nghĩa là ngày chúng tăng an-cư trong

3 tháng được viên-mản, nếu xét lại ai có tội lỗi gì từ mắt thấy tai nghe cho đến ý nghĩ-ngờ tự mình đem bày tỏ ra trước đại-chúng. Đại-chúng căn-cứ vào giới luật mà xử-trị, tùy theo nặng nhẹ, gọi là ngày Tăng Tự-Tứ. Chư Phật vì trông thấy hàng đệ tử biết tuân theo giới luật tinh tấn thanh tịnh tu hành, hoặc có người tăng tấn đạo nghiệp, hoặc có người hàng phục được ma quân, chứng ngộ vào quả vị thánh, thấy đàn con được nhiều lợi ích trong sự tu tập nên hết sức hoan hỷ. gọi là ngày «PHẬT HOAN-HỖ» Hàng Tỷ-kheo tinh tấn an cư tu hành thanh tịnh trong 3 tháng, mới được nhận mình thêm một tuổi, nên gọi là ngày nhận tuổi: trong 3 tháng kiểm điểm lại nếu hoàn toàn viên mãn không phạm một lỗi gì, dù là một lỗi nhỏ, thì được hưởng công đức ấy, nghĩa là được phép hưởng các điều quyền lợi mà không phải phạm lỗi trong thời gian 4 tháng về mùa đông như là được sắm thêm y áo, ngoài những thứ được phép sắm hàng ngày

được ăn thêm nhiều bữa trước giờ ngộ, được đi lại tự do không phải xin phép, được ngủ lại các chỗ mà quên đem y đi theo, được biệt chúng mà ăn. Các điều trên này được hưởng đến ngày Rằm tháng Chạp là hết hạn. Người nào trong 3 tháng bị chúng tăng cử tội thì không được hưởng công đức như trên.

Ngày rằm tháng Bảy cũng gọi là «Cứu thoát vong nhân» tức là ngày lễ VU-LAN, ngày hàng Phật-Tử nhớ ơn cha mẹ đã quá vãng.

Trong ngày ấy hàng Phật-Tử vận hết tinh thành cảm niệm đến ân sanh thành trời bể của cha mẹ, cúi đầu trước Tam Bảo, trước hàng chúng tăng tu hành trong 3 tháng vừa xong mong chờ sức chú nguyện, để làm nơi xu hướng đền đáp công ơn cha mẹ,

Đại khái 3 tháng Hạ an cư của hàng Phật-Tử xuất gia là thế, đó là luật rất quan yếu của nhà Phật, phạm ai đã thọ giới rồi phải triệt để tuân theo, nếu không thì dù người đó có trọn đời mang áo cà sa cũng gọi là người không có tuổi nào trong hàng ngũ

Tăng chúng; người đó không có quyền làm Thầy ai không có quyền độ cho ai xuất gia được. Nhưng nếu nhóm họp nhau an cư mà không đứng theo giới luật, không có thầy dạy bảo sẵn sóc cho chân chính thì trở nên tặc trú, (bọn giặc ở với nhau) sự hại cũng không phải nhỏ.

Hàng niên thiếu Tỷ kheo sau khi 5 hạ đã đầy đủ, anh hiền rành mạch về giới luật, thông thạo thế nào là khai, giá, trị, phạm của luật học, hiểu tôn chỉ một cách thấu đáo; Phật cũng cho phép tùy theo thuận tiện hoàn cảnh ở vào chỗ nào cũng có thể an cư được. Nhưng nếu đến ngày an cư mà bỏ qua tức là phạm tội kinh pháp.

Kính lạy đức Thế Tôn ! trong 2502 năm lại đây, các bậc tiền bối tiên triết của chúng con về trước, cũng như đoàn con em của chúng con về sau. năm nào về mùa hạ, vẫn tuân theo kim ngôn ngọc luật của Thế Tôn đã dạy mà phụng hành. Chúng con vì nghiệp chướng nặng nề, mãi trôi lán trong tam đồ lục thú, không có duyên lành trông thấy kim dung, nhưng cũng được phước thừa của ngày trước, nên ngày nay mới lại xen vào hàng tăng số, thật là vô cùng may mắn, cho

nên năm nào chúng con cũng không dám bỏ qua những ngày cao quý ấy. Nhất là mấy năm lại đây nhân loại đang vùi dập dưới làn khói lửa vô cùng thảm khốc của nạn chiến tranh, mặc dù không ngày nào là không chứng kiến những sự đau thương giết gióc của đồng loại; chúng con vẫn nhất tâm hướng về Phật, ngoài bốn phận tu học luôn luôn chuyên tâm cầu nguyện cho nhân loại mau trở lại hòa bình, người còn kẻ mất đều được ánh quang minh của Chư Phật che chở.

Kính lạy đức Mục-Kiền-Liên Tôn-giả ! chúng tôi cũng xin nói gót theo tôn giả, cầu xin mười phương. Chúng tăng oai thần pháp lực chú nguyện cho cha mẹ anh em thầy bạn của chúng tôi trong nhiều đời nhiều kiếp dù oán hay thân và tất cả những ai đã giúp chúng tôi về tài thí cũng như về pháp thí ít nhiều trên đường đạo, đều được giải thoát an vui.

Hôm nay, đồng thời ngày Tự tứ của chúng tăng và lễ VU-LAN, trước giờ phút thiêng liêng rung-cảm này, chúng tôi lại càng gia công tinh-tấn thêm lên, vận hết lòng thành hầu mong các đức cha lành trong mười phương pháp-giới dù lòng thương xót gia-hộ cho chúng tôi được như lời thệ nguyện.

HÃY ĐỪNG LÀM CHO NƯỚC MẮT CỦA MẸ TUÔN CHẢY VÌ MÌNH

NĂNG chiều ửng vàng những căn nhà mới dựng trên bãi biển của thành Ba-la-nại. Đó là nhà của một người lái buôn giàu có. Đã hơn mười năm nay, anh ta đã bao lần lênh đênh trên bể cả, tìm đến những bến bờ xa lạ của các nước Á-rập, tiếp xúc với nhiều dân-tộc hiền lành cũng như hung dữ. Sau mỗi chuyến đi, anh ta lời rất lớn. Rồi anh trở thành một trong những người nhiều của cải nhất.

Vợ anh là một người đàn bà đảm đang. Mắt nàng luôn ảm về lo buồn. Và ngày về của chồng với bao đồ quý giá vẫn không làm nàng vui vì cái viễn ảnh của ngày ra đi của cuộc chia ly sắp đến.

Hai vợ chồng sanh được một con trai. Nàng đặt cho nó cái tên thật dài Métracanyaca. Đứa bé đã đem lại cho nàng

*Thân tặng các bạn Thanh-niên
Phật-tử trong dịp Vu-Lan.*

những nỗi khuấy khỏa trong lúc xa chồng.

Métracanyaca đã lên sáu. Một đêm về mùa đông nàng thao thức không ngủ được vì sắp đến ngày cha Métra về. Đến gần sáng, trời bỗng trở gió. Gió càng lúc càng mạnh. Tiếng sóng bề ầm ầm. Những mối lo ngại như nhiều lần trước trôi dạt. Mãi đến chiều, đoàn thuyền vẫn chưa thấy về. Người ta ra bãi ngắm trông.

Đến gần tối, một chiếc buồm xuất hiện. Trong số hàng chục chiếc ra đi, chỉ một chiếc trở về, và chiếc đó không phải là thuyền của chồng nàng. Người ta báo cho nàng biết cái tin hung dữ: thuyền của chồng nàng bị đánh đắm. Nàng ngắt đi. Sự đau đớn lớn lao nhất của đời nàng ghi mãi nét buồn trên

gương mặt nằng. Và tất cả hy vọng của mình còn lại, nằng đã trút vào cuộc đời của Métra.

Métra lớn khôn, khỏe mạnh hơn người. Mắt hắn long lanh, đen nhánh, luôn luôn nhìn thẳng ra xa mơ ước một đời sống phiêu bạt. Nằng đã đoán trước được điều ấy nên tìm hết cách khuyên bảo con. Đôi lúc hắn hỏi mẹ: « Mẹ ơi, cha con thuở trước làm nghề gì » Câu hỏi đó đã làm nằng nhiều đêm ngủ không yên. Nằng thấy lại nỗi đau xót của mình trong buổi chiều mùa đông năm xưa. Nằng nói dối hắn: Cha con hồi trước làm nghề đi buôn trong nước. Hắn liền nuôi mộng đi buôn trong nước.

Năm năm sau, Métra đã trở thành một thanh-niên cứng cỏi. Và hắn đi buôn trong nước. Trong chuyến buôn đầu, hắn lời được bốn đồng. Đó là một thành công lớn đối với kẻ còn thiếu kinh nghiệm như hắn. Hắn đem cả bốn đồng về giao cho mẹ nó và yêu cầu mẹ cúng dường giúp đỡ các vị Sa-môn, Bà-la-Môn, các người nghèo khổ và ăn xin. Mẹ hắn mừng tưởng hắn an phận thích nghề ấy rồi.

Nhưng một hôm hắn trở về

buồn dười dười. Hắn muốn đổi nghề vì nghe người ta nói cha hắn làm nghề bán dầu thơm. Mẹ nó đành chịu nó. Ngày hôm sau, hắn lập quán trong thành phố. Lần này nó lợi được 8 đồng, khá hơn lần trước. Nhưng cái nghề bán dầu thơm tầm thường này không làm hắn hứng thú chút nào. Lại thêm có người bảo cha nó trước kia làm nghề bán đồ nữ trang. Thế là ít lâu sau, nó đem 8 đồng về cho mẹ nó với cả ý định từ bỏ nghề bán dầu thơm.

Nó chuyển qua nghề bán đồ nữ trang. Nó bán chạy và cạnh tranh với những tiệm vàng lớn trong thành phố. Nó lời tháng đầu 16 đồng, tháng sau 32 đồng. Thật là những món tiền to lớn. Hắn đem về cho mẹ cũng yêu cầu mẹ làm các việc công đức như các lần trước. Nhưng cái nghề này giữ chân hắn một chỗ và hắn thấy bức bối. Sự hoạt động của hắn bị bó hẹp, tầm mắt hắn bị chặn lại. Rồi lại có một chủ tiệm vàng đến nói với nó! « Sao chàng không làm nghề hàng-hải như ông thân chàng mà lại đi làm nghề bán đồ nữ trang hèn mọn và tù túng như thế này » Hắn bị kích thích đúng chỗ.

Vậy là hôm sau, Métra bán tất cả số vàng còn lại dồn được một vốn lớn. Bể khơi sóng gió ngàn trùng, với các bến bờ xa lạ kêu gọi hấn. Hấn nhất quyết rồi. Hấn về nói với mẹ : « Thưa mẹ, có phải cha con trước kia làm nghề hàng hải không ? Mẹ cho con theo nghiệp cha đi buôn ngoài bể cả ».

Mẹ hấn sững sốt. Bà đã cảm thấy trước điều mong muốn này của con. Bà đã để ý đến cái nhìn đăm đăm của hấn ra tận bể khơi như cố tìm đến bên kia bờ đại-dương. Bà đã để ý con say sưa thềm thường cuộc đời của những thủy-thủ trên các thuyền buồm từ xa đến. Bà cũng muốn cho con thỏa nguyện, nhưng hình ảnh của cuộc ra đi không ngày về của cha Métra đã làm cho nàng tìm hết cách ngăn con : « Phải Métra ạ, cha con trước đây làm nghề hàng hải nhưng bị nạn chết đuối ngoài bể khơi. Mẹ đã đau khổ lắm rồi. Nay mẹ chỉ có một mình con, con nữ nào bỏ mẹ đi ra góc bể chân trời ! Mẹ sẽ khô héo mà chết »

Métra tuy cảm động nhưng hấn đã quyết. Chiều hôm ấy hấn cho người đánh chuông rao khắp

kinh thành Ba-la-nại : « Hỡi các thương-gia đáng tôn kính ! Métracanyaca sắp đi buôn xa, Vậy ai muốn đem hàng ra hải ngoại bán thì cứ đi chung với người. . . »

Mẹ Métra khuyên răn hấn rất nhiều. Hấn vẫn không đổi ý định. Đến ngày ra đi. Năm trăm lái buôn cùng đi chuyển nầy với hấn. Bà mẹ quá thương con. Cái cảnh ra đi giống hệt như cảnh ra đi của cha hấn ngày trước làm bà quá đau xót. Bà ngã xuống, ôm lấy chân con mà khóc. Mọi người đều cảm động. Métra ngồi xuống một lát ; nhưng hấn bỗng đứng dậy, rút mạnh chân và bước ngay đầu mẹ hấn. Hấn đi thẳng xuống thuyền không ngoái nhìn lại. Bà mẹ chậm chạp ngồi dậy và trong nước mắt, bà niệm nho nhỏ : « Con ơi ! Mẹ cầu cho con tai qua nạn khỏi. Mẹ cầu cho con khỏi bị quả-báo đã bước ngang đầu mẹ, con ơi ! ».

Đoàn thuyền vượt sóng đã ba ngày trường. Đến ngày thứ tư, trời bỗng biển đổi đột ngột rồi có gió mạnh. Gió cuốn từng hồi báo trước một cơn bão lớn. Mọi người đều lo ngại và cố sức chống chọi. Nhưng thuyền

sẽ đến đã đến. Bao to đã đánh tan cả đoàn thuyền.

Métra đeo trên một tấm ván và may mắn được trôi dạt vào một bờ xa lạ. Hắn lần lần hồi tỉnh lại và đi đến một thành phố. Đây là thành Ramanaa. Anh chàng thanh-niên của kinh thành Ba-la-nại được người ta niềm nở đón tiếp. Có bốn nàng tiên đẹp để đến chào hắn. Trước ngực mỗi nàng lấp lánh một đồng tiền vàng giống như đồng vàng hắn đã trao cho mẹ trước đây. Các nàng tiên nói với hắn : « Chào chàng Métracanyaca. Đây là đền đài của chúng em. Đây là tất cả sự khoái lạc ở đời. Chàng vào đây chung vui với chúng em ». Métra nhận lời. Hắn sống đầy đủ về vật chất hình như được thừa hưởng những phước đức đã làm nên ngày trước. Nhưng hình như có một duyên do vô hình thúc đẩy hắn : hắn buồn ý và ra đi, xuống miền Nam.

Hắn đến thành Sadamaham. Có tám nàng tiên đẹp để đến chào hắn. Trước ngực mỗi người lấp lánh một đồng tiền vàng giống như đồng vàng hắn đã trao cho mẹ trước đây. Các nàng tiên cũng nói với hắn những lời dịu dàng như những nàng trước. Hắn cũng nhận lời ở lại đây. Và hắn cũng đã sống đầy đủ về vật chất như được

thừa hưởng những phước đức đã làm nên ngày trước. Sau, buồn ý, hắn lại ra đi, xuống miền Nam.

Hắn đến thành Nandana. Mười sáu nàng tiên đẹp để đến chào hắn. Trước ngực mỗi nàng lấp lánh một đồng tiền vàng giống như đồng vàng hắn đã trao cho mẹ trước đây. Các nàng tiên dịu dàng mời hắn ở lại và chăm sóc hắn như những nàng trước. Hắn đã sống đầy đủ về vật chất như được thừa hưởng những phước đức đã làm nên ngày trước. Nhưng rồi hắn cũng lại ra đi về miền Nam.

Hắn đến thành Brahmottora. Ba mươi hai nàng tiên đẹp để chào hắn. Trước ngực mỗi nàng lấp lánh một đồng tiền vàng giống như đồng vàng hắn đã trao cho mẹ hắn trước đây. Hắn được mời ở lại hưởng những khoái-lạc trong thành. Đến đây nhiều điều đã làm hắn suy nghĩ : Tại sao hắn, một kẻ có tội với mẹ hắn, lại được hưởng những sung sướng đã qua. Phải chăng đó là do ngày trước hắn đã trao những món tiền bốn đồng, tám đồng, mười sáu đồng và ba mươi hai đồng cho mẹ hắn để làm việc thiện. Nhưng, sự

sung sướng được hưởng đời với hần là quá nhiều rồi. Hần không thể ở lại đây được nữa. Hần lại muốn ra đi và đi xuống miền Nam, mặc dầu các nàng tiên hết sức khuyên can.

Lần này hần đi thật xa. Hần đến một bức thành bằng sắt. Hần đi vào thành thì cửa thành đóng lại. Hần cứ đi nữa và không mấy chốc hần gặp một người to lớn trên đầu đội một vành sắt cháy đỏ, lửa phun rùng rục. Máu mủ trên đầu người ấy chảy tràn xuống miệng, người ấy liếm và nuốt tất cả. Hần đến gần và hỏi : « Nhà người là ai ? Tại sao lại bị hành phạt đau khổ dữ dội như thế này ? »

Người ấy nén đau xót, ngẩng nhìn hần một lát rồi trả lời : « Tôi là người đã làm mẹ tôi đau khổ, nên tôi phải gánh lấy, phải gánh lấy quả báo như thế này. Tôi sẽ phải chịu khổ báo cho đến khi một người khác đã tạo nghiệp ác làm mẹ tôi đau khổ đi ngang đây, sẽ thay thế cho tôi »

Cái quả khứ tội lỗi của Métra hiện lên rõ ràng trong tâm trí. Métra thấy lại hình ảnh của mẹ đang nắm chặt chân mình khóc lóc và chính Métra đã bước ngang đầu mẹ. Đưa con bắt hiểu đó đang đứng đây. Nó đáng nhận tất cả những hình phạt

nặng nề nhất. Métracanyaca vừa nghĩ như thế ; thì vành lửa sắt nóng bay qua đội lên đầu chàng. Métra nhìn người kia bây giờ đã khỏe mạnh, vết thương trên đầu đã lành hẳn và hỏi : « Tôi phải đội vòng lửa này trong bao lâu »

Người kia đáp : « Chàng phải chịu hình phạt này đời đời kiếp kiếp, cho đến khi người có phạm tội đã làm mẹ đau khổ như chàng, đến chịu khổ thay cho chàng »

Métracanyaca đau khổ vô cùng. Lửa cháy xèo từng mãnh thịt. Mặt Métra như bị cắt mất đi từng đường gân máu, và tê liệt từng chỗ. Tuy vậy Métra bằng lòng về hình phạt mình phải chịu. Chàng nghĩ rằng : « Lại sẽ có người phạm tội đời với mẹ để đến chịu thay ta ? Không nên như thế ! Chúng sinh ơi ! hãy đừng ai mạnh tâm làm mẹ mình phải đau khổ. Hãy đừng ai làm cho nước mắt của mẹ tuôn chảy vì mình » Rồi Métra phát nguyện rằng : « Tôi xin nguyện đội vành này mãi mãi chịu khổ thay thế chúng sinh ».

Lời phát nguyện của Métra thật là vô cùng tốt đẹp, chứa chan tình yêu thương rộng lớn. Lời phát nguyện chân thành ấy, đã giải thoát Métra khỏi vòng tội lỗi. Và vành lửa bỗng rời khỏi đầu Métracanyaca để bay lên hư không, trả lại cho Métra đời sống an lành . . .

VỌNG CHIỀU THU XƯA

Cảm niệm Vu-Lan Mậu-Tuất.

Thu về nhớ thuở xa xăm,
Thời-gian bất diệt trắng rằm Vu-Lan.
Ngày xưa nơi chốn Đạo-Tràng,
Mục-Liên thương mẹ tâm-can héo mòn.
Không gian nào sánh tình con ?
Thời-gian nào phủ lòng son muôn đời ?
Nhớ thương là nghiệp của người,
Tâm-tư nào phải một trời này thời ?
Nhân-sinh chưa thoát luân-hồi,
Lòng thương cha mẹ biết đời nào phai ?
Mục-Liên cầu nguyện Như-Lai,
Gương xưa còn sáng, vọng hoài Vu-Lan.
Biết bao ân đức vô vãn,
Chư-Tăng chủ nguyện, tiêu tan cực hình.
Mẹ hiền thoát kiếp, siêu sinh
Mục-Liên Tôn-Giá mới bình yên tâm.
Tráng thu soi sáng âm thầm,
Chư-Tăng Tự-Tử, đạo-tâm vững bền.
Niềm vui tràn ngập vô biên,
Mười phương Chư-Phật nhập thuyền hân-hoan.
Đạo mầu rộng quá không gian,
Hạ xong thêm tuổi những hàng Chân-Tăng.
Nhờ sức chú nguyện vạn-năng,
Bao nhiêu cảnh khổ đã tăng đổi thay.
Ngàn xưa về lại hôm nay,
Người xưa sống dậy giữa ngày Vu-Lan.
Bấy đời cha mẹ lang thang,
Cầu mong thoát cảnh cơ-hàn, tiêu diêu...
Lòng người ai chẳng thương yêu ?
Nhưng niềm hiểu-hạnh VỌNG CHIỀU THU XƯA.
Mùa thu có tự bao giờ,
Ngày Rằm Tháng Bảy bài thơ không lời!

HUYỀN-KHÔNG

MỘT VIỆN DƯỠNG LÃO

C Û A

PHẬT-GIÁO NHẬT-BẢN

Thích THIÊN-ÂN

PHẬT-GIÁO Nhật-Bản là một Tôn-giáo tổ-chức rất hoàn bị, và đã giúp ích một cách rất thiết thực cho sự tồn tại và tiến triển của dân-tộc. Người ta có cảm tưởng rằng: nếu thiếu Phật-giáo, dân-tộc Nhật-Bản, sẽ cảm thấy thiếu thốn trong phương diện canh tân và cải tiến nền văn-hóa, xã-hội Nhật-Bản, đó là chưa kể đến vấn đề trọng đại: Phật-giáo là một tổ-chức duy-trì nền luân-lý đạo-đức và là cơ-quan phát-huy thuần-phong mỹ-tục của Nhật-Bản.

Trong Phật-giáo Nhật-Bản chúng ta thấy có rất nhiều tổ-chức, tập-trung dưới quyền điều khiển của một Tổng-hội. Như về giáo-dục thì có các trường

Tiểu-học, Trung-học, Cao-dãng, Đại-học Phật-giáo; về văn-hóa thì có các hội nghiên-cứu triết học Ấn-độ, triết-học Trung-hoa, hội khảo-cứu các nền học-vấn Đông-tây; về thanh-niên thì có hội học-sanh Phật-giáo, hội thanh niên Phật-tử; hoạt-động của thanh-niên Phật-tử ở đây rất mạnh, họ đặt trụ-sở gần khắp cả các trường Cao-dãng và Đại-học trên cả toàn quốc, cho đến các trường học do Thiên-chúa-giáo tổ-chức như Kikkyo University v.v... cũng có tổ-chức hội thanh-niên Phật-tử; về từ-thiện thì có các tổ-chức như bệnh-viện, viện nuôi trẻ mồ-côi, viện dạy kẻ mù, câm, điếc, viện dưỡng lão v.v... và còn nhiều

nữa, thật không kể xiết những tổ-chức về văn-hóa và xã-hội của Phật-giáo Nhật-bản.

Trong ngày mồng 8 tháng 4, dịp Khánh-dân của Phật-tổ vừa qua, tôi có dịp đi viếng thăm một viện dưỡng-lão của hội Phật-giáo Nhật-bản, vậy xin tường-thuyết lại đây để công-hiến quý vị Phật-tử ở nhà.

Cùng đi thăm viện dưỡng lão này với tôi là các đại-diện của đoàn thanh-niên Phật-tử ở Đông-kinh (Tokyo Young Buddhist Association). Tuy nói là đại-diện, nhưng người cùng đi đông gần 100 người và lại mang thêm nhiều tặng phẩm như áo quần bánh kẹo, thuốc men v.v... vì thế, chúng tôi phải thuê riêng hai chiếc xe bus lớn để chuyên chở.

Viện dưỡng lão này đặt trong khoảnh vườn của chùa Pháp-viện, cách đô-thị Tokyo khá xa, vì thế 10 giờ sáng xe bắt đầu chạy mà gần đến 1 giờ chiều mới đến. Đường xa, nhưng vị các thanh-niên nam-nữ Phật-tử trong lòng đang vui đậy với niềm vui Khánh-dân, hòa hợp với việc thiện có ý nghĩa sắp làm, nên dọc đường họ ca hát

trò chuyện rất vui về tung búng. Ngày Khánh-dân ở đây được xem là một quốc lễ, nên các tư gia, trường học, đền chùa miếu vũ đều có treo cờ Phật-giáo. Hai bên vệ đường khách đi hành-hương lễ Phật rất đông đúc, tấp nập.

Vì có liên-lạc trước, nên khi chúng tôi vừa bước xuống xe bus thì đã có các vị Tăng già đại diện của ban quản-lý, cùng với hai vị đại diện cho các vị già nua trong viện ra đón tận cửa và hướng dẫn chúng tôi vào dưỡng-đường

Khi chúng tôi vào đến dưỡng đường chính, nơi đây có tôn-trí một tượng Phật Di-Đà lớn thì đằng sau nghe có 3 tiếng chuông báo hiệu, tiếp đó gần 300 ông già bà lão có mặt trong viện lần lượt nhóm họp lại và chấp tay niệm : Nam mô A-mi-Đa Butou (Nam mô A-Di-Đà Phật) để chào mừng chúng tôi. Chúng tôi rất cảm động, và đều đứng dậy để vái chào lại. Sau khi trà nước nghỉ ngơi xong, thì một đại diện của chúng tôi đứng lên nói về mục-đích của cuộc thăm viếng này. Đại-khái vị ấy nói : Ngày mồng 8 tháng 4

là ngày ra đời của đảng từ-bí cứu khổ. Ngày xưa trong ngày ấy vô số người đau khổ đã nhờ thông cảm được với ánh từ-quang của đức Phật tổ lúc Ngài ra đời mà được an lành hạnh-phúc. Và chính cảnh già nua đau khổ đã là một nguyên nhân thúc đẩy Ngài rời bỏ hạnh phúc gia-đình để đi tìm đạo giải thoát cho muôn loài chúng sanh, và Ngài đã đạt được mục đích cứu-kính nghĩa là đã tìm được con đường để giải thoát các nỗi thống khổ của chúng sanh, nhất là các nỗi khổ về bệnh, già, chết. Nhờ đó ngày Khánh-dân của Phật tổ đã được xem là ngày mở đầu của một kỷ nguyên cứu khổ, và đã được cử hành long trọng ở các nước tôn sùng đạo Phật trên thế giới. Nhằm theo mục đích của đức Phật ra đời, hội Đông-Kinh thanh-niên Phật-tử chúng tôi, nhân ngày kỷ-niệm Khánh-dân, gọi là của ít lòng nhiều, chúng tôi mang đến đây kính tặng quý ông bà một ít tặng phẩm mà chúng tôi đã thu góp được từ các nhà Phật-tử hảo tâm, mong quý ông bà vui lòng nhận lãnh, và xem đây là những thừa-ân của Phật-tổ để dành cho quý ông

bà già yếu có-quả mà niệm Phật thật nhiều để nhờ kiếp sau.

Nghe xong, các ông già bà lão ấy rất lấy làm cảm động. Có nhiều vị đã sung sướng cảm động cho đến chảy cả nước mắt, về phía chúng tôi, cũng có nhiều người phải lấy khăn để ngăn cho nước mắt khỏi chảy xuống má. Tiếp đến một ông và một bà đại diện cho tất cả đứng ra tỏ lời cảm tạ, nhận lãnh những tặng phẩm, và đồng thanh niệm lớn danh hiệu Phật 3 lần để tỏ lòng biết ơn Phật-tổ.

Sau khi trao tặng quà Khánh-dân xong, chúng tôi đại-diện của hội Đông-kinh Thanh-niên Phật-tử còn trao tặng, khơi dậy được những niềm vui hồn nhiên chất phát từ những người già yếu lưng còng má cọp ấy, bằng cách hát lên những bài hát trẻ trung vui vẻ và những kịch vui v.v... Để tỏ niềm sung sướng vui mừng trong ngày Khánh dân, bên các ông già bà lão ấy, cũng lần-lượt đồng thanh, hòa âm cử lên những bài hát Phật, những câu ca-dao địa phương, hoặc những bài hát mà trước đây trong thời trẻ trung họ đã từng hát. Nhìn

gần 300 cái đầu bạc phơ, lắc lư theo nhịp trống, hòa giọng trong vui ca đề ca lên những bài ca yên vui đầm ấm, tôi không làm sao cầm giữ được những niềm cảm xúc. Và niềm cảm xúc ấy đã là một ấn-tượng sâu đậm, rung động lòng tôi trong khi tôi ngồi viết bài này và mãi cả sau này nữa. Ước gì đạo Phật được lan tràn khắp nơi, và trong ngày Khánh đản này tất cả các ông già bà lão đều được chung hòa trong niềm vui cứu khổ của Phật-tổ.

Tất cả chúng tôi già trẻ trai gái đang vui vầy trong bầu không khí hiền hòa ấy, thì vị Trụ trì của chùa Pháp viên, cũng là trưởng ban quản trị của viện dưỡng lão này ra chào mừng chúng tôi, kể qua về lịch sử và lần lượt hướng dẫn chúng tôi đi thăm nơi ăn chốn ở, chỗ học tập, nơi làm việc của viện dưỡng lão này.

Viện dưỡng lão này được đặt trong khu vườn chùa Pháp viên, do vị Trụ-trì cùng một ban quản-trị gồm có đại diện của chính-phủ trông nom. Vì thế viện này được gọi là « Pháp-viên dưỡng-lão-viện ». Chu-vi của chùa này rộng chừng 3000 tsubo Nhật, nghĩa là độ gần 4

mẫu ruộng bên ta. Viện này được dựng lập cách đây 55 năm trước, và hiện giờ gồm có trên dưới ba trăm ông già bà lão được cung cấp nuôi dưỡng tại đây. Điều kiện được vào đây là các ông già bà lão trên 60 tuổi, không có gia-dình con cháu hoặc có mà quá nghèo khổ, không đủ tự cung cấp.

Ngoài các nhà cửa để cung cấp nơi ăn chốn ở cho 300 người này, chùa còn dựng lên được một bệnh viện, gồm có một trăm giường để cho các ông già bà lão ở các nơi đến điều dưỡng trong khi đau ốm. Bệnh viện này cũng chỉ để dành riêng cho những người già yếu nghèo khổ mà thôi. Thuốc men, dụng cụ và sự chi phí hàng ngày của bệnh-viện cũng như viện dưỡng lão này, đều do hội Phật-giáo Nhật-Bản, các hội từ-thiện, các nhà Phật-tử hảo tâm cung cấp giúp đỡ, ngoài ra, nếu thiếu thì chính-phủ đài thọ thêm.

Sự sống của những người già yếu trong đây, nhờ bóng từ-bi của Phật-tổ gia hộ, họ sống rất có bảo đảm, đơn giản và nhàn-tĩnh. Chùa Pháp viên, nơi

xây dựng viện dưỡng lão này là một ngôi chùa thuộc về tịnh-độ-tôn, vì thế những người già yếu sống trong đây cũng được thắm nhuần nhiều với giáo-lý tịnh-độ, và họ sống trong một quy luật tập đoàn, gần như một tông lâm.

Đại khái chương trình hàng ngày thì 6 giờ sáng dậy, rồi tập thể thao chừng nửa giờ, tiếp đó là một giờ niệm Phật, rồi ăn cơm sáng. Sau khi ăn cơm sáng xong, thì gọi là giờ tự do, nghĩa là tùy theo sở thích và tài năng của mỗi người mà làm việc. Sự làm việc ở đây không bắt buộc, không có tiền công không có sự thưởng phạt. Trong đây họ cũng có tổ chức ra từng đội, từng chừng 10 người để tự trị lấy. Đến 12 giờ thì ăn cơm trưa, nghỉ ngơi, rồi 2 giờ tiếp tục giờ tự-do lại. Đến 5 giờ thì ăn cơm chiều, rồi tụng kinh niệm Phật, và 7 giờ đi ngủ.

Cứ như thế ngày này qua ngày khác thời gian cứ bình thản lặng lẽ trôi qua trên chuỗi đời gần tàn của những người già yếu cô quả ấy, Các ông già bà lão ở trong đây, được nhờ bóng Phật, họ sống một đời sống

thật bằng phẳng và yên tĩnh, không lo cơm ăn, không lo áo mặc, nhà cửa đầy đủ, khi đau ốm có bệnh-viện chăm sóc, lúc từ trần có người táng mộ, nhà chùa hộ niệm v.v... Thật là một tổ chức. Có thể nói là một nơi an ủi được rất nhiều những người già yếu đau khổ.

Sau khi đi thăm xong các nhà cửa, nơi ăn, chốn ở của viện, chúng tôi một lần nữa chấp tay đề vài chào và cảm ơn vị Trụ trì, ban quản-lý cùng các đại diện của các ông già bà lão ấy đề lên xe bus trở về Tokyo. Trên đường về tất cả chúng tôi đều rất sung sướng và mãn nguyện, vì đã gọi dậy được trong lòng những người già yếu đau khổ ấy một niềm vui hồn nhiên, một nguồn sống an tịnh trong ngày Khánh đản Phật-tổ. Riêng tôi tôi hy-vọng rằng: Ở Việt-Nam ta Phật-giáo cũng sẽ lần lượt tổ chức được những bệnh viện, viện nuôi trẻ mồ côi, viện dưỡng lão v.v... như đây, để góp phần trong công cuộc cứu tế xã hội và cũng để làm vơi nhẹ được những nỗi niềm đau khổ trong kiếp đời trầm luân.

LA BI

HỎI NỮA

Thích - Nữ THỀ - QUÁN

BẠCH Sư cô: thuyết ăn chay của nhà Phật vẫn biết rất đúng với hai chữ từ-bi thật. Song nếu nói rằng: đức Phật thương tất cả chúng sanh, cho đến cỏ cây cũng một lòng ái hộ (thương yêu và giữ gìn nó) vô - cơ không được dậm đạp lên chúng. Như thế, vì sao nhà chùa vẫn dùng rau dưa hoa quả? Xem như cây rau đọt lên mơn mớn ta nỗ tay ngắt nó; trái mít, trái vả cắt xẻ nó mũ chảy ròn ròn. Nếu nói nó không biết đau vì nó không kháng-cự rên la dẫy-dụa như loài trâu heo gà vịt v. v. . . nói vậy thì như loài: hến, sò, nuốt, mực v. v. . . nó cũng không rên la dẫy-dụa, như thế thì nhà chùa cũng có thể ăn thêm những thứ ấy. Còn đã không ăn chúng thì lẽ ra cũng không nên ăn rau trái v. v. . .

Tôi còn nghi ở điểm này mong Sư-cô vui lòng giải thích cho:

— Vâng, thật ra thì cũng không nên ăn dùng hoa quả mới phải. Vì lẽ có thân ra là đã mệt rồi, mà còn phải lo vấn đề ăn uống nữa lại càng mệt thêm. Nhưng chị tính không ăn để chết sao? Mà tự sát thì phạm tội sát-nhơn lại quá nặng. Chính đức Phật trong thời kỳ khổ hạnh sáu năm trong rừng sâu núi cao, mỗi ngày lo tu thuyên định ăn uống sơ sài, đến đôi lần

lần kiệt lực sau Phật phải thọ bát sữa của nàng Mục-Nữ mới lại sức mà chứng đạo quả. Chính nhiều người ở trong Phật pháp cũng hiểu lầm rồi tịch cốc để chết đói, đó là một tai hại lớn. Nên đức Phật thường căn dặn đệ-tử: bắt việt đạo thường, bắt ưng lập dị (đừng làm cái gì vượt ngoài việc thường, chớ làm những chuyện lạ lùng khác với thế gian).

Ở đây chị đã dẫn lời đức Phật dạy rất đúng, thật lòng từ bi của đức Phật mệnh mang như biển cả, lai láng khắp cỏ cây, nhưng chị lại quên hai chữ « vô-cớ » ở trên. Nội hai chữ « vô-cớ » chúng ta cũng thấy nếu không vì sự cần thiết thì không nên hủy hoại phá phách cỏ cây... thật đã tiêu-biểu lòng từ-bi không bẻ hạng của đạo Phật rồi. Còn như chấp kinh cũng phải từng quyền chứ, nếu khư khư giữ chặt tà mình chết để cỏ cây sống thì đó là nói viển vông mà chơi thối.

Vả lại chị nên nhớ: người ăn rau dưa là ăn để sống; chứ không phải họ sống để mà ăn, tìm tòi tất cả món ngon vật lạ, sát sanh hại mạng kẻ khác làm thỏa thích miệng mình.

Vì vậy, trong khi cần ăn để sống chúng ta phải so sánh, dù đúng như lời chị bảo: cỏ cây nó cũng biết đau, cái ấy tôi không dám cắt vì chính tôi không ở địa vị chúng thì đau biết chúng có đau không? Nhưng tôi xin đưa ra một dẫn chứng là: thấy người thì cỏ cây không chạy trốn, chớ như cua cá chim-chốc thấy người thì nó chạy te.

— Dạ tôi thấy heo bò thấy mình nó có chạy đâu?

— Nó không chạy nhưng khi bắt làm thịt thì kêu la dẫy-dụa vũng vấy, đó tỏ ra loài người dùng trí khôn, thể lực để áp bức nó trong lúc chúng thân cô thế yếu...

— Dạ rứa như trứng gà trứng vịt nó không chạy cũng không la kêu vũng vấy khi luộc nó thì sao?

— Chà chị vẫn nạn lạnh quá tôi cũng đến nước bí thời
— Nhưng chị nên biết trong quả trứng đã có nghiệp-thức (linh
hồn) của con gà: nếu đem luộc nó thì ấp không nở con được.
Còn như rau trái ta ngắt hái mà nó vẫn sống như thường,

Nay muốn quyết nghị điều này tôi xin đưa một tỷ dụ dễ
hiểu: trong Phật Pháp có chia loài hữu-tình chúng sanh (động
vật) vô-tình chúng sanh (thực vật và khoáng vật) ngay trong thân
thể con người cũng đủ. Ví dụ: cắt tay chân tay chân không
thể mọc lại được; còn tóc và móng tay v. v... cắt cạo nó vẫn
mọc mà không tổn hại gì đến thân mạng cả.

Vì vậy người tu hành bắt đắc dĩ phải nhờ cỏ cây nuôi
sống thân mạng để đem thân mạng phụng-sự lē phải. Và người
xuất-gia không dám quên ơn cây cỏ đã giúp sống cho mình, nên
vô có không được phá hại nó, và mỗi thời tụng niệm thường đem
công đức hồi hướng cho tất cả chúng sanh: tình dự vô tình,
đồng thành Phật đạo.

Bạch Sư-cô: nhưng hiện nay hơn loại tìm ra trên đầu
con cạp, lưng con rùa, sừng con nai v. v... đều có những chất
bổ quý hóa, nếu người tu hành không dùng những thứ ấy sợ
e không đủ sức khỏe. Mà hơn loại kém sức khỏe tức thiếu
tinh-thần đó là một sự phản tiến hóa, sẽ có hại cho xã-hội chăng?

Thưa chị: nói đến sự thông-minh của hơn loại ngày nay
thì thật vô cùng vô tận. Nhưng may mà hơn-loại hiện nay chỉ mới
nghiên cứu ra có bấy nhiêu. Chứ như nàng Tô-đắc-Kỷ nghiên
cứu trái tim của hoàng-thức Tỷ-Can có bảy lỗ, bắt vua Trụ mổ
tim ra để ăn làm thuốc, thì thiệt ra đức Phật cũng phải
phục cái tài thông - minh quái gở tai ác của nhân - loại
rồi vậy...



NHÌN PHẬT-GIÁO QUA MẮT KHOA - HỌC

Kỹ-sư UÔNG-TRÍ-BIỂU soạn
LIÊN-HOÀ Địch

(Tiếp theo)

NẾU có người nói: «linh hồn không phải vật-chất» thì ta thử hỏi: cái «không phải vật chất» ấy làm sao lại biết lúc vào, lúc ra ở thân thể người ta? cái mà đã biết lúc vào, lúc ra thì không thể nói là «không phải vật-chất» được.

Phật-Giáo đã đánh đổ cái thuyết linh-hồn, vậy thì cái mà lúc người sống làm chủ thể, lúc người chết chịu luân-hồi kia lại là cái gì? câu hỏi này đã được Phật-giáo giải đáp rằng: cái ấy là bản thể của vạn-vật, nó không hình, không tướng, chẳng ở trong cũng chẳng ở

ngoài, không đi vào, cũng không đi ra; cái ấy Phật-Giáo mượn một danh từ mà đặt tên cho nó gọi là «Thần-thức», là «Phật-tánh». Thần-thức là bản thể bị vật dục che phủ; Phật-tánh là không bị vật dục ràng buộc; thật ra hai vật ấy Thần-thức, Phật-tánh, vẫn là một, mà một vật gồm cả hai vậy. Bản chất của nó và các linh hồn người ta nói trên kia thật khác nhau, vì người ta nhận linh-hồn là có hình tướng ở tại trong thân người và có thể ra, vào được. Nói lùi lại, Thần-thức và Phật-tánh tuy vô hình, vô tướng, không ra, không vào nhưng gặp

cơ-duyên thành-thực thì nó có thể hiện ra vật-chất có hình, có tướng, đi ra, đi vào, ở ngoài, ở trong được cả. Bởi vậy nó đã « không phải vật-chất » mà cũng không « không vật-chất ».

Nhà khoa-học hiện đại đối với vấn đề này thiết không đủ năng lực để giải đáp, nên chỉ nói một cách vô đoán rằng : « không bao giờ có việc ấy » để hoàn thành sự bài xích linh hồn của họ, còn Phật Giáo thì lấy ở hiện-tượng của Phật đã tự chứng minh ra, nói rõ lẽ phải, trái, phân tích sự thật, giả ; đồng thời lại chỉ cho chúng ta các pháp môn tu hành để chúng được chân-lý như Ngài đã chứng.

Vì lẽ khoa học và Phật-Giáo là hai ngọn đèn chói lọi trên thế-giới, đã chiếu tan những mờ ám của thế gian và phá trừ được lòng mê chấp của nhơn loại, làm cho trí tuệ phát triển không bao giờ ngừng mà đi đến con đường Chánh giác vô thượng ; chỉ tiếc ngọn đèn của khoa học có hạn, nên chỉ soi sáng được tướng mạo vật-chất, việc gì liên hệ đến bộ phận tâm

lý mà không nhờ ngọn tuệ-đăng của Phật-Giáo thì không phá được mờ tối và trừ được mê lầm. Ví như, một việc có liên quan bộ-phận cảm giác của các khí-quan người ta, mà dính liú đến vấn đề tâm rồi, những cảm giác ấy kéo ra bao nhiêu tác dụng của tâm lý (Luận Bách-pháp-minh-môn gọi là Tâm-sở-hữu-pháp, nghĩa là cái pháp do tâm mà có); với phương diện này Phật-Giáo nghiên cứu rất tinh tế, không phải nhờ Tâm-lý-học ngày nay theo kịp. Nay thử đặc một giả thuyết: khi chúng ta nghe Nhạc-sĩ đàn một nhạc khúc, nhi thức của ta hiểu ngay toàn luật của nó, ý thức phân biệt ngay tình điệu của nó, do đó sinh ra nhiều tâm sở (danh từ của Pháp-tướng tôn), khiến chúng ta cảm giác đến chỗ hay, đẹp vừa tai, rồi sinh ra những ảo-tưởng khác, như đó mà có lòng ưa muốn đến say mê, ấy là nói riêng với những người có sự hiểu biết tương đương về âm nhạc. Còn như đối với người không có chút căn bản về âm nhạc, thì sau khi nghe bản đàn

họ đã không hiểu luật gì, điều gì, thì chỉ thấy rầy tai những tiếng ê, a, chẳng những không có lòng ưa muốn mà e còn chán ghét là khác. Nếu đem vật lý học ra phân tích thì danh khúc nói trên chẳng qua là một chuỗi dài liên tiếp của làn sóng không khí, bao gồm âm điệu nặng, nhẹ, trầm, bổng (gọi là hài ba); là một trạng thái khi màn nhĩ bị làn sóng rung động mà có, hay hiện lượng của lỗ tai như vậy, từ nhĩ thức phân biệt ra toàn luật, từ ý thức phân biệt ra tình điệu, trong bao nhiêu âm điệu trên cung đàn không thể nào chỉ nó ra được; còn như sự trái hẳn nhau giữa lòng ưa muốn và chán ghét thì lại càng không phải tự cung đàn; chúng ta thường quên lãng cái diễm ấy, đem những cái gì do nhĩ thức, ý thức phân biệt gây ra mà gán cho chuỗi làn sóng không khí đại biểu cung đàn, chấp là sự thật, ấy là sự lăm lặc to tác của chúng ta nó đã thấm vào cốt tủy từ khi nào không hay biết, ngoài Phật-giáo ra thì không ai chỉ rõ được sự

lăm lặc ấy. Do đó mọi người đều nói ấy là một danh khúc ai diễm, hình như cái ai diễm đó là của danh khúc sinh ra vậy; chứ không ngờ rằng nó tùy duy-thức mà biến đổi. Nói cho dễ hiểu, thì cúng như hành và tỏi, người ưa ăn nó thì bảo là thơm, người không ưa ăn thì bảo là hôi, nếu thơm và hôi là mùi của hành, tỏi thật có, thì không thể mỗi người nhận thức mỗi khác được,

B — Bỏ đứt tình cảm

Phật-Giáo có thể nói là một nhà chuyên môn lôi kéo ra ánh sáng những đều lăm lặc và ảo huyền của mọi người để điều chỉnh lại một cách hợp lý, khiến cho ai nấy đều đi trên con đường lớn giác ngộ. Vì thế Phật Giáo là đơn thuần lý trí, chẳng những không xen vào một chút tình cảm mà còn bỏ đứt tình cảm là khác; đó là diễm hoàn toàn giống với khoa học. Nhà Triết học vẫn trọng về lý trí, nhưng lập luận và lý thuyết không khỏi ý kiến mỗi nhà mỗi khác nhau, nên tôn chỉ thì đồng mà phương

chăm lại khác. Cái bệnh ấy
nhà Xã-hội học cũng không
tránh khỏi. Còn như các nhà
Văn-học, Nghệ thuật thì cảm
tình càng nặng, mà lẽ dĩ nhiên
cảm tình mạnh thì lý trí phải
yếu, cho nên phê bình giá trị
văn nghệ từ xưa đến nay
không định luận. Cảm tình và
lý trí nó không đi song song
với nhau được, kẻ bên này
lớn lên thì bên kia mòn đi ;
bất cứ một người nào, khi
tình cảm đã xúc động thì lý trí
phải suy giảm, và trái lại thì
cứng thế ; vì lý trí như mặt
trời, tình cảm như đám mây
vậy. Cha mẹ thương con tuy
là cái tình của nhân luân,
nhưng lắm khi vì quá thương
yêu, mà cha mẹ đã phán đoán
sai lầm hạnh phúc của con cái.
Nhiệt tâm yêu nước, tuy không
phải là tư tình, nhưng cũng
có khi mất sự chế ngự của

lý trí mà gây ra thảm họa.
Còn như nhiệt tình luyện ái
của con trai và con gái thì
luôn luôn xảy ra những hành
vi không lý trí cho đến nỗi
chết vì tình một cách khờ dại.

Đứng trên lập trường Phật-
Giáo mà xem, thì những tình
cảm nói trên tuy có chỗ công,
chỗ tư, chỗ nặng, chỗ nhẹ khác
nhau, mà về chỗ si ái thì cũng
là một thói, đều là phải loại bỏ.

Kinh Lăng-nghiêm nói : « cứ
phân biệt ở tình và tưởng thì
dù biết lẽ chúng sanh lên hay
xuống trong lục đạo : Tư tưởng
nhiều thì được đi lên ; tình
cảm nhiều thì phải đi xuống ;
toàn thiên về tư tưởng thì được
lên Thiên-đạo, toàn thiên về tình
cảm thì phải đọa xuống địa
ngục, tư tưởng và tình cảm
ngang nhau thì được sanh
nhân đạo». (còn nữa)

KÍNH CÁO

Số 6 vừa rồi chúng tôi có yêu cầu quý độc-giả,
nếu có vị nào nghe thấy những chuyện linh - cảm
trong khi niệm danh hiệu đức Quán-thế-Âm viết thành
bài, hoặc ghi những điểm chính cho rõ ràng để chúng
tôi chép lại đăng vào Liên-Hoa số 9 trong dịp Khánh-
đản đức Quán-thế-Âm. Mong quý-vị lưu tâm cho, và
xin gửi về Tòa-soạn càng sớm càng quý.

LIÊN-HOA

Bé Tâm vừa dựng xong ngôi nhà nhỏ tí, ghép bởi mấy tấm quạt đang hỏng, bé đưa bàn tay tròn búp hớt mấy lớp cát cho vào những nghêu trống làm hàng bán quán. Bé ngồi lê lét, chuyền quanh không hở. Bé cũng bận rộn lắm chứ, có lúc nào bé ngồi thong dong như mấy cụ già đâu. Miệng bé lẩm bằm, bí bọ, nhỏ nhắn làm đôi làn môi đỏ ngọt của bé có lúc ch ù l ẻ n trông đến dễ yêu. Điều đó chỉ có mẹ đang ngồi lật rau muống cạnh

bé mới thấy được với tất cả sự rạt rào yêu con trong lòng mẹ.

— Bé nói chuyện với ai thế nhỉ? Mẹ lơ đãng hỏi bé Tâm.

— Bé nói với bé mẹ à!

— Thích nhỉ! Thế bé không nói chuyện với mẹ sao?

— Mẹ làm việc, mẹ không nghe bé!

— Thế bé nói với bé những gì nào?

— Bé nói chị Xuân không còn ở với bé để chơi với bé

nữa, bé buồn... Nay, mẹ thấy bé xây xong, quán bán hàng rồi đấy, bé có đủ đồ bán cho mấy bác làm ruộng...

— Ờ... ờ... sao nhiều lá và cát trong nghêu thế?

— Không phải, mẹ không biết gì cả, cái này không phải lá, chề Truồi đấy.

— Ừ nhỉ! Thế mấy cọng lá đề hẳn là cọng chề Truồi? Mẹ vừa nói vừa cười mỉm.

— Không! đâu truồi đây... còn nghêu này là đư ờ n g muỗi chứ không phải cát... đây là trầu, đây



là cau .. Vừa nói bé Tâm vừa trở mấy nghêu đầy lá xắt vụn, hay têm như têm trầu và nghêu dựng đầy cát.

— Bé bán có đắt không?

— Bé bán rẻ lắm bé lấy tiền lịch thói, ai không có tiền lịch thì bé cho...

— Ấy lỗ vốn chết!

— Mẹ không biết gì cả, đồ này bé làm ra, nên bé không lỗ vốn. Bé Tâm nói xong đứng dậy muốn đi.

— Ừ nhỉ ! Mà bé đi đâu thế ?

Bé đi thăm chuồn chuồn.

Me cũng vừa lật rau xong nên đem rửa ra vào nước rửa. Me đặt một chiếc hõn vào trán Bé và nói nựng : « Con của me ngoan lắm ! ».

Được một lúc Bé chạy ra, mặt Bé trông không khác nữa, Bé có vẻ buồn và đến hỏi mẹ : Me ạ, chuồn chuồn của Bé đâu hay sao ấy, nó không bay như hôm qua nữa ! — « Ấy, tại bé bỏ vào hộp, nó thử không được ! » Không Bé có chích nhiều lỗ trên hộp, này mẹ thấy, này... — « Ừ, ừ... thôi Bé đi chơi để mẹ nấu cơm, trưa rồi ! »

Bé Tâm lúi thủi ra sân, ngồi bệt bên quán hàng tí hon. Bé hà hơi cho chuồn chuồn, Bé đi đâu nó vào nghề là cây cho nó ăn, vì Bé nghĩ chắc nó đói, trông Bé thật thiếu nảo. Con chuồn chuồn cánh đỏ là niềm vui độc nhất của Bé Tâm từ ngày chị Xuân được đòi đi làm việc ở xa, Bé nuôi nó đã được bốn hôm, không lúc nào thấy bé rời chiếc hộp, trong giờ ăn, giờ ngủ cũng như giờ chơi. Bé nói chuyện với nó cả ngày. Tất cả những gì ngon, đẹp bé đều để cho chuồn chuồn. Bé định may thật nhiều áo cho nó song bé không biết may, nên bé xé giấy

như khăn áo « bình » chuồn chuồn mặc không được, nên Bé đắp lên như đắp chân bông, chuồn chuồn lúc này thật là người bạn quý của bé Tâm. Bé không hề bao giờ nghĩ có ngày chuồn chuồn sẽ rời Bé. Tất cả trong lý tưởng của Bé là một đường hoa thẳng tận chân trời, không lối điết mà trên đó Bé bước với tất cả hồn nhiên về mọi ý thức.

Nhưng rồi chỉ vài phút sau, con chuồn chuồn không còn một tí cử động gì cả, dù là nâng lên uể oải đôi cánh đỏ. Mặt bé Tâm trở nên buồn rười rượi. Bé nói những gì lắm lắm không ai nghe được song trông đáng đến tội nghiệp và tang thương, tay Bé cuốn chuồn chuồn vào một tờ giấy đẹp và cho vào hộp diêm lớn, rồi Bé đem ra ngoài vườn chôn. Bé cũng biết đắp một nấm đất nhỏ làm mộ cho chuồn chuồn và xin mẹ một cây hương cắm lên đấy.

Đến giờ ăn bé Tâm lơ lảo với tất cả phần ăn mẹ đặt vào chén. Buổi sáng, buổi chiều, mắt Bé trở nên xa xôi. Có lẽ có gì buồn hơn trong tâm hồn Bé khi phải mất một người bạn đường ? Ban chiều bé Tâm cầm hương lên mộ chuồn

chuồn và miệng làm bầm như mẹ thắm khăn những giờ dâng hương trước điện Phật. Trong giờ tụng niệm trước khi đi ngủ, bé Tâm quỳ bên cạnh mẹ dâng kính theo tiếng mẹ, song óc vẫn tưởng đến chuồn chuồn và Bé nghĩ Bé đọc kinh để Phật ban ơn cho chuồn chuồn trở lại với Bé.

Mãi đến một tuần sau bé Tâm vẫn không quên và còn nhắc với mẹ về con chuồn chuồn yêu quý. Có hôm thấy những chiếc máy bay « bà già » bay trên trời rầm rì, Bé hỏi mẹ sao máy bay bay mãi thế ? Mẹ bảo đấy không phải là máy bay đâu, đấy là thần chuồn chuồn, chuồn chuồn của Bé Tâm chết hóa nên thần, bay ngang để thăm Bé. Bé Tâm bỗng thấy vui lên và khẽ nói : Nhờ Bé đọc kinh đấy phải không mẹ ?

— Ừ ! vậy Bé phải ngoan trong giờ tụng niệm mới được.

Từ ấy chiếc máy bay « bà già » trở nên một vật quá ư mến thuộc với lòng của bé Tâm. Mỗi chiều trông nó bay ngang trời, bé ngước nhìn lên với tất cả ngưỡng vọng yêu ư. Bé hỏi mẹ « Thế thần

chuồn chuồn bay đi đâu hở mẹ ? » — Ấy, thần mang những tin tức đến cho mọi nhà, mang quà đến cho trẻ em ngoan ; như lúc sáng thần mang quà của chị Xuân gửi về cho Bé đấy, và hôm kia mang thư của mấy anh về, Bé không nhớ à ?

— Ừ mẹ nhỉ ! thế thì thần giúp ích nhiều cho người ta quá bây giờ bé không buồn nữa vì ngày nào Bé cũng thấy thần cả, và chuồn chuồn của Bé làm được nhiều việc có ích hơn phải không mẹ ? Và Bé hỏi mẹ lúc Bé chết, Bé có thành thần như chuồn chuồn không ? mẹ vẫn yêu, bảo « Đừng nói bậy ! ngoan như Bé thì phải thành tiên.

— « Thích nhỉ, bé sẽ chở mẹ đi chơi mẹ nhé ! rồi Bé mang thật nhiều quà cho từng nhà »... »

Tâm hôn bé Tâm vào lúc này như một cuộn tơ chẳng sợi theo con thoi qua bàn dệt dưới đôi tay mềm dịu yêu đương của người mẹ. Nhưng người mẹ chỉ tỏa trọn yêu thương vào một bầu trời nhỏ của gia đình. Nhân loại còn có lắm người hưởng lạc bằng đao binh.

Những ngày đẹp của bé Tâm bắt đầu hoen ố dấu phủ phàng, như nước dột trên trần nhà hay những vật bẩn loãi dơ rơi vào tầm lùa.

Đã mấy bận mẹ run bần bật, mặt tái xanh, bỗng bé Tâm chạy nấp vào hầm trú ẩn. Ngoài trời ầm-ĩ hàng chục chiếc máy bay xé mầu trời mây đẹp với muôn nhịp súng liên thanh man rợ. Bé Tâm nào hiểu được sự to rộng của những ngày thế-giới chiến tranh thứ hai. Bé hỏi mẹ sao thần chuẩn chuẩn lại ác thế? Mẹ không còn linh trí để nói gì hơn ngoài câu niệm liên hồi: « Nam mô Quán Thế Âm bồ tát... » và nhắc con niệm Phật.

Một ngày phải chạy bao nhiêu bận, bé Tâm không còn thấy ngại nhiên nữa và bắt đầu lấy cái sợ sệt từ người lớn chuyển sang. Bé chỉ còn bực về điều không ai giǎng cho Bé hiểu vì sao một vị thần như thần chuẩn chuẩn lại đang tâm gây khiếp sợ một cách dã man lên mọi người quanh Bé, và vì sao thần không tiếp tục mang tin vui, quà bánh, thư tin đến cho mọi nhà? Lời hỏi ngây thơ của Bé thường chỉ bị người lớn quát khinh dại. Từ Ba cho đến các

chú, ai cũng dăm chiêu lo lắng: « Chết đến nơi. ! » Cho đến ngày niếm trọng vọng đối với thần chuẩn chuẩn không còn rơi lại tí gì nghĩa lý trong lòng bé, đang xôn xao thắc mắc nữa.

Ai sẽ hiểu được tâm trạng bé Tâm thể hiện trên nét mặt ngày thơ, như tấm vải trắng tinh bị ngấm ở chậu nước gặt hồ chờ lúc nhuộm đen trong bùn?

Và ai? nếu không là gió sẽ mang đi tiếng đau thương như tiếng xé lụa, hay tiếng kéo xấp suốt tóc dài trong bầu trời xanh hiền trong trắng của một tâm hồn nhỏ bé, chia lỵ khoảng ngày êm đẹp dệt cuộc đời bằng yêu thương với khoảng ngày sẽ đến vằn vù lo buồn và kinh sợ như con thú quý thân đợi lưới giảo của người thợ săn...

Viết tại Đức, đề nhớ
Vũ-Tĩnh-Trai xa xôi.

ĐÍNH CHÍNH

Số 6 vừa rồi trang 26 bài
Chuyện ngắn « Ưa cái lạ »
mà in lộn Ưa cái đẹp. Mong
quí độc - giả lượng thứ.

LIÊN-HOÀ

TIN TỨC

TIN TRONG NƯỚC

Thêm một trường Trung-học Phật-Giáo tại Huế

Trường Tiểu-học Hàm-Long tại chùa Báo-Quốc Huế, năm nay mở thêm các lớp Trung-học: đệ-thất, đệ-lục và đệ-ngũ. Trường ốc được kiến-thiết rộng rãi cao ráo, sẽ khai giảng vào ngày 1 tháng 9 năm 1958. Học-sinh Phật-tử trừ được 10% học phí; học-sinh nghèo học lực khá, hạnh kiểm tốt sẽ được học bổng của trường.

Đại-hội Gia-đình Phật-tử Trung-Phần

Ban Hướng-dẫn Gia-đình Phật-tử Tổng-Hội Trung-Phần, đã triệu tập một cuộc đại-hội-đồng ba ngày 3, 4, 5, tháng 7 năm 1958 tại chùa Từ-Đàm Huế, có Đại-biểu 12 tỉnh về dự. Sau ba ngày hội họp có mở tiếp một trại Huấn-luyện Huỳnh-trưởng 4 ngày tại chùa Tây-Thiên, để Huấn-luyện Huỳnh-trưởng trong các gia-đình thuộc Tổng-hội, số trại sinh gồm có 65 cả nam lẫn nữ. Kỳ đại-hội và huấn-luyện này, Ban Hướng-dẫn Tổng-Hội đã thu được nhiều kết-quả khả quan, nhất là đã gây đạo-tình thân ái giữa các

Huỳnh-trưởng và các cấp lãnh đạo của gia-đình Phật-tử các tỉnh.

Khóa tu học tại Quảng-Trị

Giáo-Hội Tăng-Già tỉnh Quảng-Trị đã được Tổng-Trị-Sự Giáo-Hội Trung-phần chấp thuận mở một khóa tu học tại Trụ-sở của Giáo-Hội Quảng-Trị, thời gian khóa tu học này là một tuần, đã mở vào trung tuần tháng 7 Âm-lịch. Mục đích khóa tu học này là bồi bổ kinh luật và phổ biến tôn-chỉ của Giáo-Hội Tăng-Già cho chư tăng ở Quảng-Trị. Khóa tu học này đã đem lại cho chư tăng Quảng-Trị những hiểu biết đáng kể.

Pháp-Á đặc san

Do thông-bạch của văn phòng Tổng-Hội Phật-Giáo toàn quốc cho biết, Tạp chí Pháp-Á (France — Asis) sẽ xuất bản một đặc-san bằng Anh-văn hoặc Pháp-văn, chuyên khảo về Phật-Giáo: lịch-sử, giáo-lý Đại-thừa và Tiểu-thừa, ảnh hưởng Phật-Giáo trên thế-giới về quá-khứ, hiện-tại và vị-lai qua các ngành văn-chương, triết-lý, mỹ-thuật v. v. . . ngoài ra còn có một số tranh ảnh đặc sắc.

Giá đặt mua trước mỗi tập :

Giấy thường 200\$00

Giấy tốt 250\$00

Sau ngày xuất-bản giá sách lên cao và có thể không có, vì sách in có hạn. Đạo-hữu nào muốn mua, xin gởi tiền và danh sách đến Đạo-hữu Mai-thọ-Truyền Tổng thư-ký Tổng-Hội Phật-Giáo toàn quốc, chùa Xá-Lợi 89 đường Bà Huyện Thanh-Quan Saigon.

TIN THẾ GIỚI

Một thiếu-nữ Hoa-Kỳ

làm lễ thế phát

Tân-gia-Ba : Cô Charisse Van Ltrum bảy giờ đã trở thành Ni-cô hiện là Dhammadina đã lên đường đi Băng-Cốc hôm 15-7-58. Người ta không còn biết đó là một thiếu-nữ 22 tuổi ở Cựu-kim-Sơn, đã rời khỏi Hoa-Kỳ từ 10 hôm.

Nàng đã được thọ ký làm Ni-cô hôm 11-7-58 tại một ngôi chùa ở Tân-gia-Ba, sau khi dự thính một buổi diễn thuyết về Phật-giáo ở California (Hoa Kỳ)

Nàng tuyên-bố với các nhà báo là nàng đã bỏ dự định đi lấy chồng, và không đeo đuổi y-học nữa, vì nàng tin tưởng rằng: « chỉ nhờ có Phật-Giáo tôi mới đạt được chân hạnh-phúc » Và nàng sung sướng được gia-đình nàng cho nàng được theo chí nguyện.

Nàng bảo là sau khi ở lại Băng-Cốc (Xiêm) vài tháng, nàng sẽ qua Ấn-Độ học hỏi Phật-Giáo và phép tu Thiền-định.

Nhật - Bản : Đoàn Hoàng-pháp Miến-Điện gồm có 8 vị Tỷ - kheo đã đến Nhật - Bản truyền dạy bộ Thượng - tọa Phật-giáo, xong rồi sẽ có một vị ở luôn Nhật để Hoàng-pháp. Hội Chánh-pháp Miến-Điện cũng sẽ phái đến 5 vị Tỷ-kheo nữa để giảng dạy.

Mỹ - Quốc : Hội Phật-Giáo hữu-nghị Hoa Thịnh-Đốn gần đây có thỉnh Bác-sĩ Bó - Lồ đến diễn giảng Phật-giáo tại Tích-Lan.

Trường Phật-Giáo học-hiệu Nữ-Ước tuyên-bố mở cuộc thi văn-hóa Phật-Giáo đề bài là : « Giáo-thị của Đại-bi Phật-Đà ». Các nước Ấn-Độ, Tích-Lan, Cao-Miên và Phật - Giáo học-hiệu Mỹ-Quốc đài thọ các khoản phần thưởng.

Tích-Lan : Hội A-dục-hoàng-pháp đã thành lập một Phật-học-Viện để cho các vị Tỷ-kheo Ấn - Độ và ngoại-quốc đến học. Kỳ hạn học định từ 3 năm đến 5 năm. Chi phí do hội ấy đài thọ cả. Các vị Tỷ-kheo ngoại-quốc mà biết Anh-văn đều có thể xin vào học được.